CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Phương Đông

Ngày 31/12/2025	11,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	**-7.4%**	**10.2%**

DT thuần
Q4/25
-3,309
tỷ VNĐ
QoQ: ▼267| -8.8%
YoY: ▼855| -34.9%

LN thuần
Q4/25
-179
tỷ VNĐ
QoQ: ▼166| -1237%
YoY: ▲ 205| 53.3%

LN sau thuế
Q4/25
9.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.15|
YoY: ▲ 9.15|

Tỷ suất lãi EBIT
2025
20.3%
YoY: +/-▼ 3.8%

ROE
2025

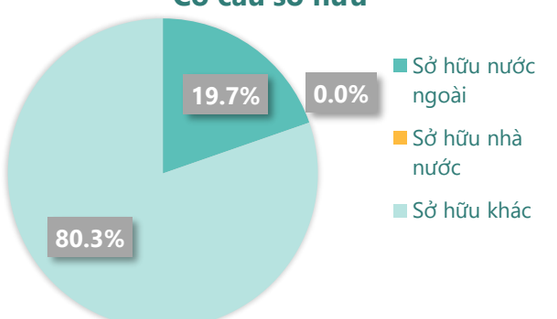
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,379 - 14,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31,823
Số lượng CPLH (CP)	2,663,052,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,844,029
Sở hữu nước ngoài	19.7%
Beta	1.14
EPS	1,513
P/E	7.9

DT thuần
2025
-11,869
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,521| -27.0%

LN thuần
2025
-239
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 376| 61.1%

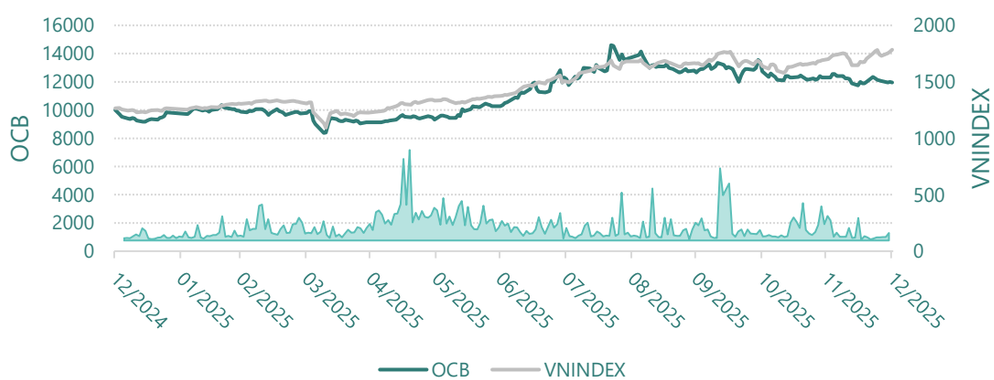
LN sau thuế
2025
9.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.15|

Cơ cấu sở hữu

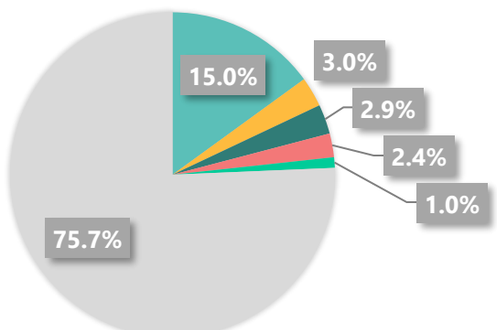


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

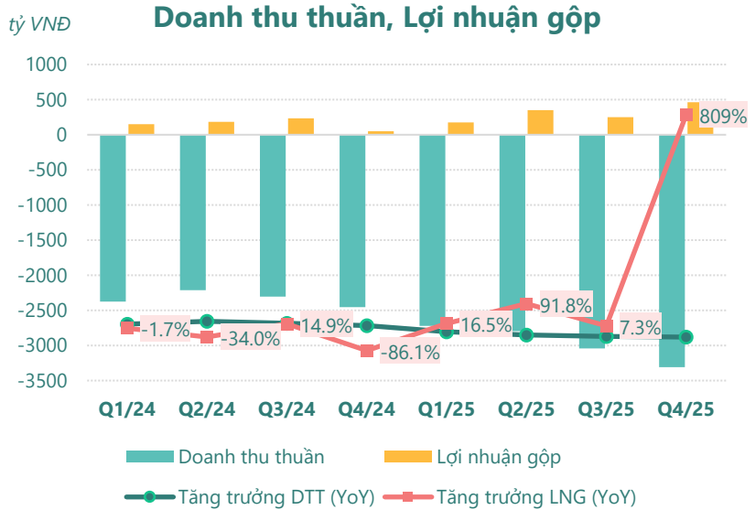


AOZORA Bank, Ltd
Cao Thị Quế Anh
Trịnh Thị Mai Anh (Thành viên HĐQT)
Phan Trung (Thành viên HĐQT)
Công ty TNHH Đầu tư TQA
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

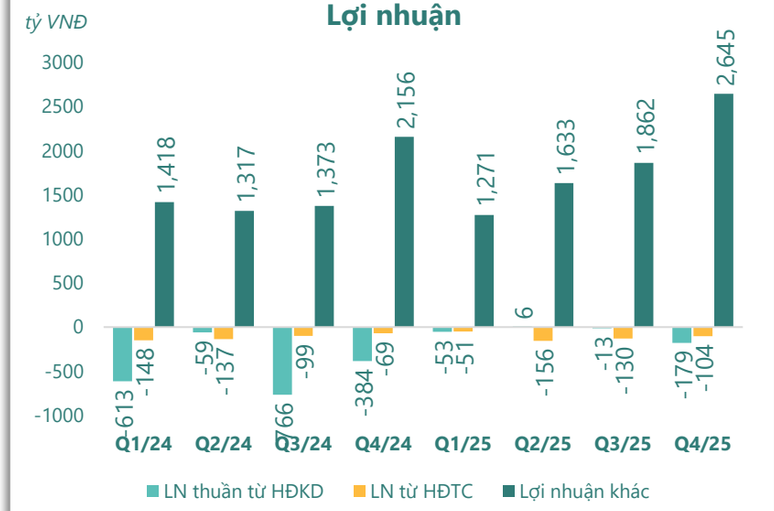
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



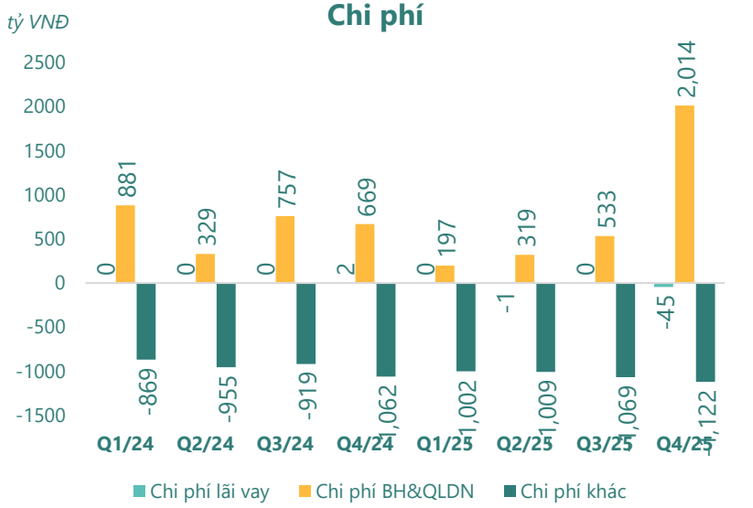
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



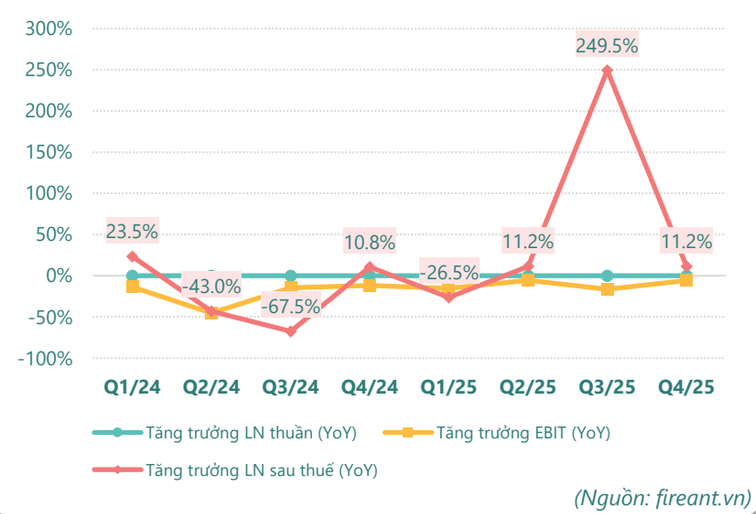
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



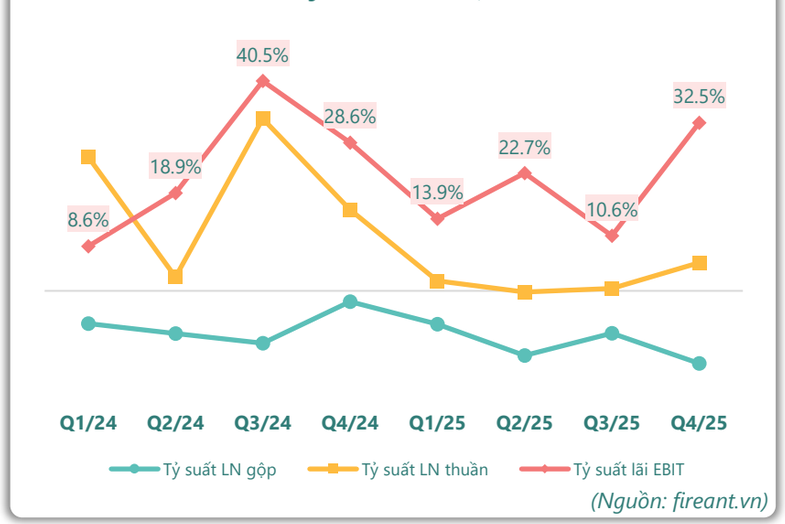
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



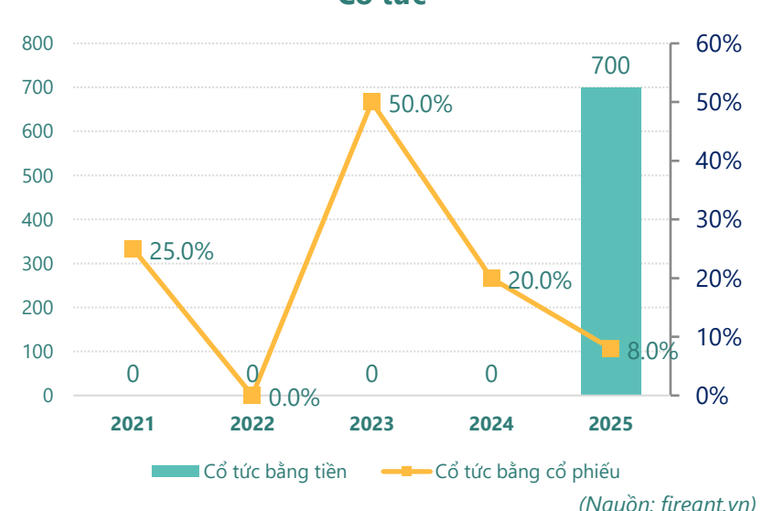
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



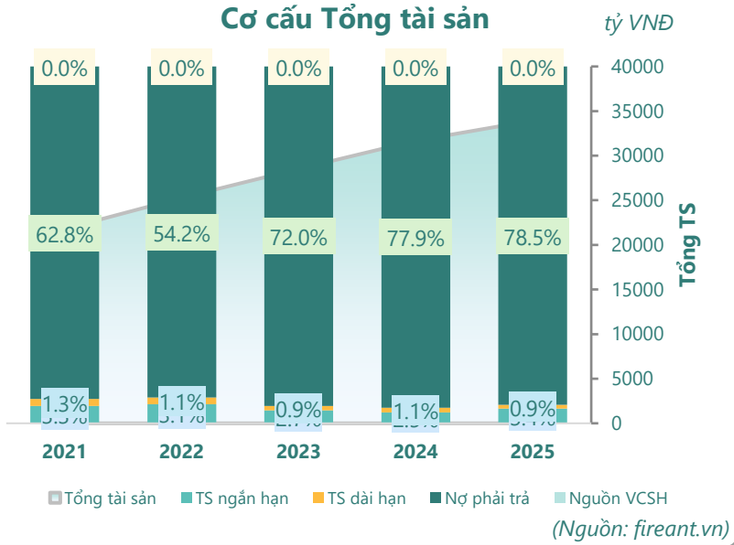
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

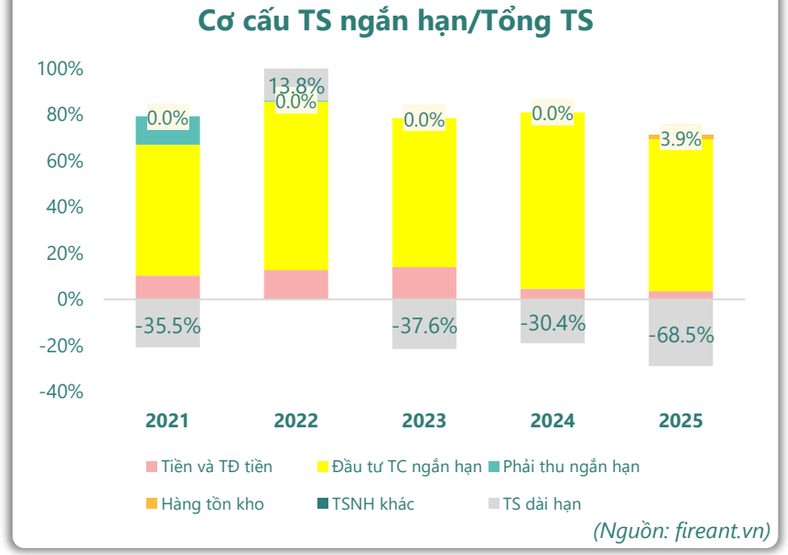


(Nguồn: fireant.vn)

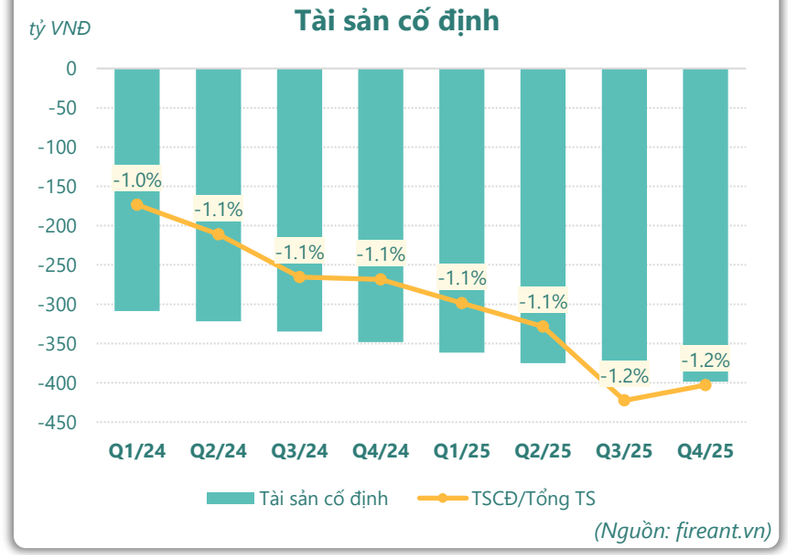
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



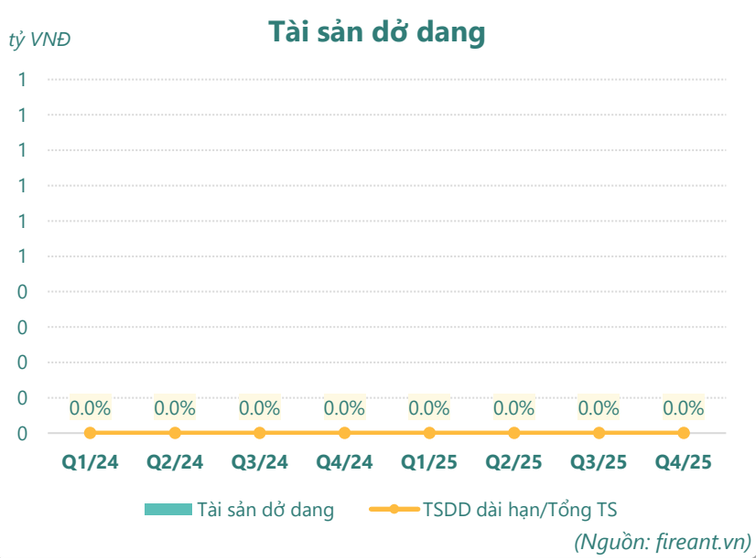
(Nguồn: fireant.vn)



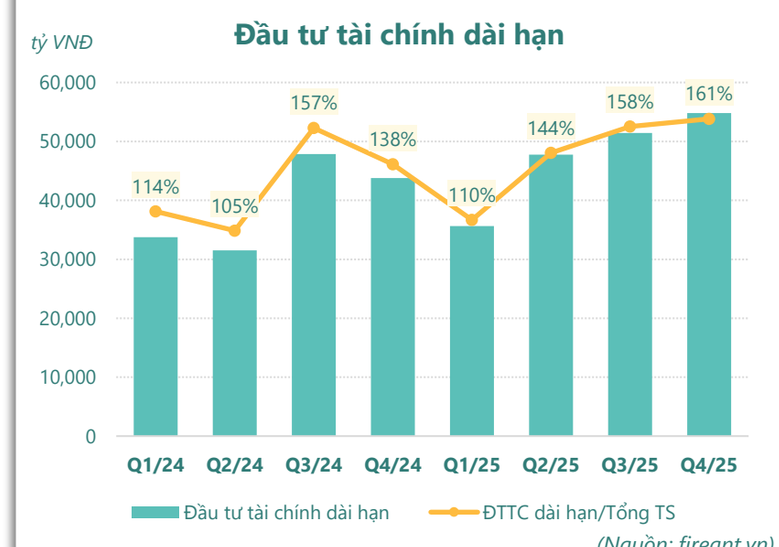
(Nguồn: fireant.vn)



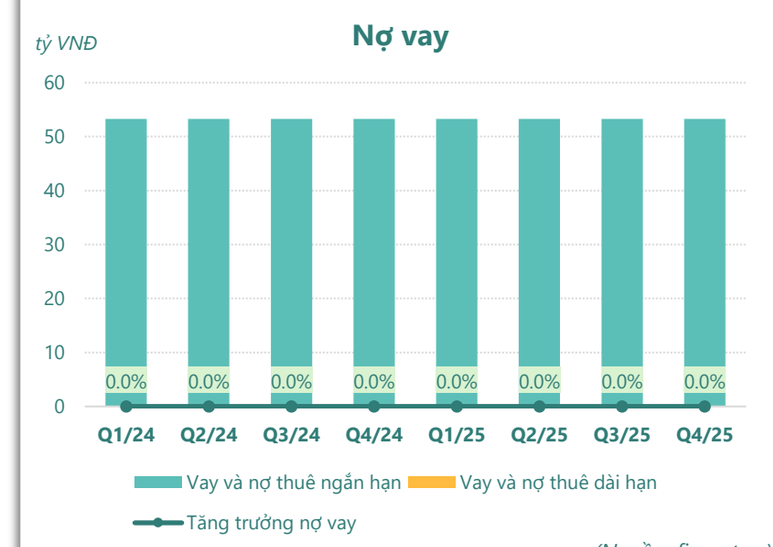
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



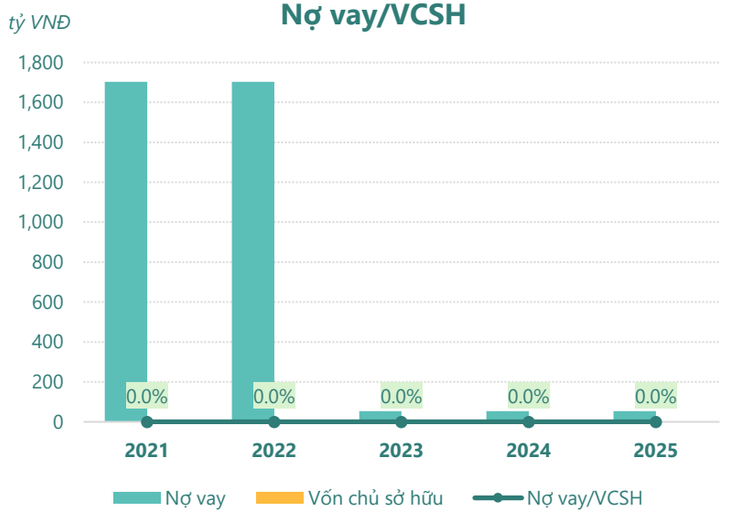
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

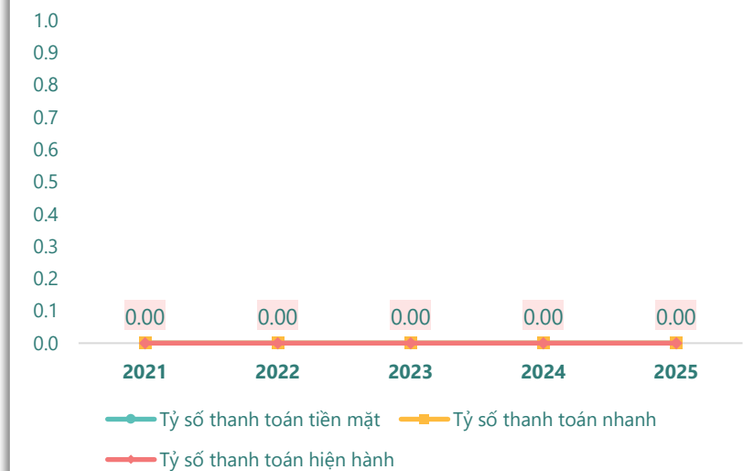
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



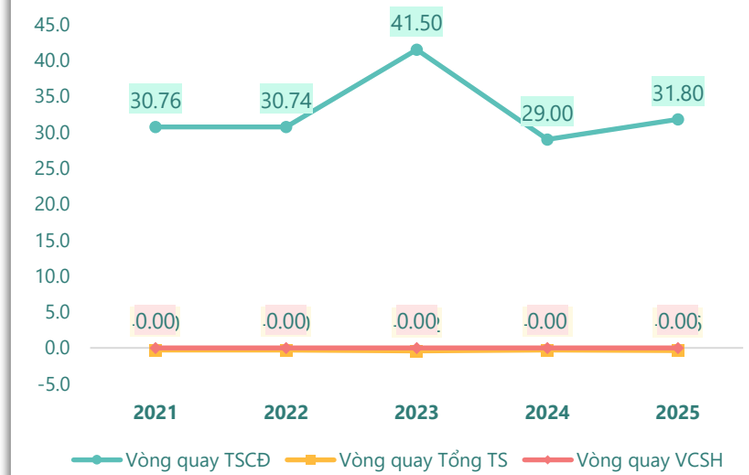
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



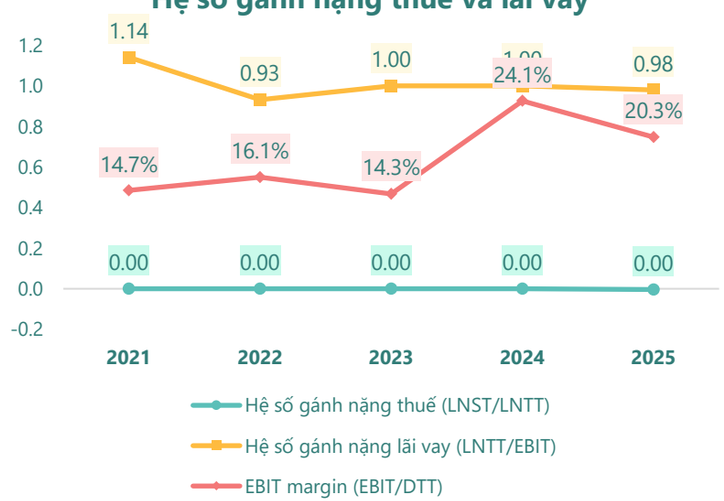
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



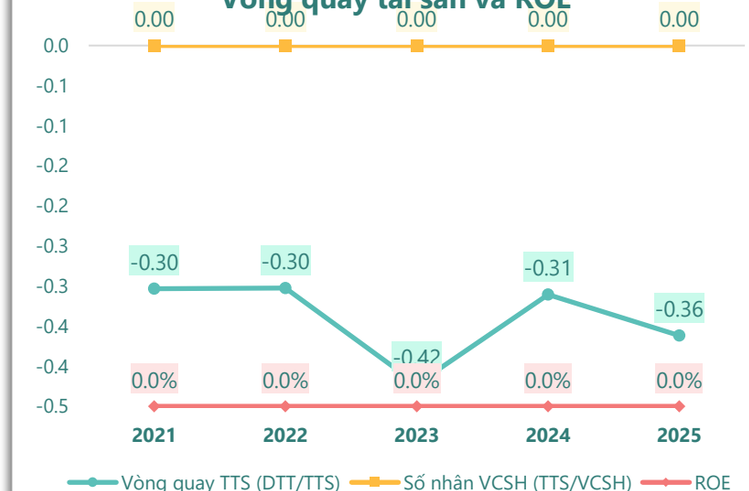
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



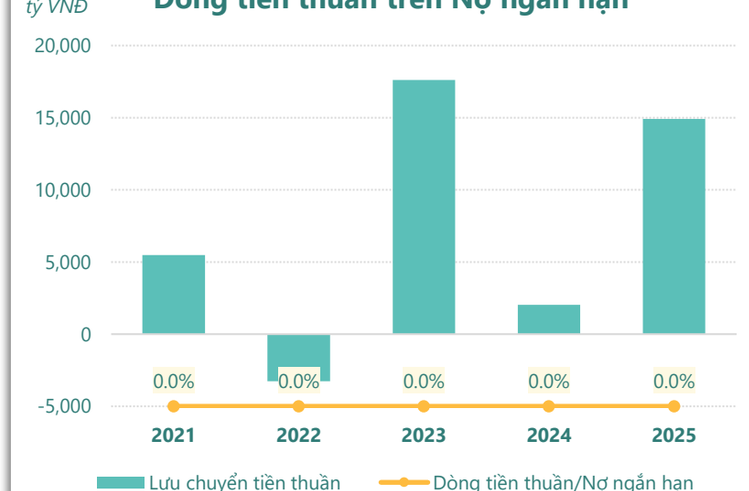
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-3,309**	**-2,454**	**-34.9%**	**-11,869**	**-9,348**	**-27.0%**
Giá vốn hàng bán	398	463	-14.1%	1,011	931	8.6%
Lợi nhuận gộp	463	50.9	810%	1,236	1,073	15.1%
Doanh thu HĐTC	-65.5	-46.8	-40.0%	-225	-142	-58.0%
Chi phí TC	38.6	22.3	73.2%	216	311	-30.4%
Chi phí lãi vay	-44.6	1.92	-2422%	-45.4	2.25	-2118%
LN trong công ty LKLD	**-23.9**	**-66.1**	**63.9%**	**-229**	**-188**	**-21.5%**
Chi phí bán hàng	917	142	546%	1,412	407	247%
Chi phí QLDN	**1,096**	**527**	**108%**	**1,651**	**1,022**	**61.6%**
LN thuần từ HĐKD	-179	-384	53.3%	-239	-615	61.1%
Lợi nhuận khác	**2,645**	**2,156**	**22.7%**	**7,411**	**6,265**	**18.3%**
LN trước thuế	-1,029	-703	-46.4%	-2,365	-2,259	-4.7%
Lợi nhuận sau thuế	**9.15**	**0.00**		**9.15**	**0**	
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3,948	-3,998	-1,450	12,319	5,069	1,174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-91.0	-77.3	-336	-117	-53.0	16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0	0	-1,713	-1.27
Tiền đầu kỳ	42,280	46,142	42,088	40,306	52,471	55,806
Lưu chuyển tiền thuần	**3,857**	**-4,075**	**-1,786**	**12,201**	**3,303**	**1,189**
Ảnh hưởng tỷ giá	4.60	21.4	4.72	-37.0	32.2	0.07
Tiền cuối kỳ	46,142	42,088	40,306	52,471	55,806	56,995

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**33,943**	**31,671**	**7.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,160	788	47.3%
Tiền và tương đương tiền	2,883	2,377	21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52,952	38,923	36.0%
Phải thu ngắn hạn	50.8	0	
Hàng tồn kho	1,313	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**298**	**341**	**-12.6%**
Phải thu dài hạn	936	898	4.2%
Tài sản cố định	-398	-348	-14.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	54,810	43,798	25.1%
Tài sản dài hạn khác	**5,361**	**7,795**	**-31.2%**
Lợi thế thương mại	0	0.99	-100%
Nợ phải trả	26,631	24,658	8.0%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.3	53.3	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)